

Số : 204 /BC - STC

Vĩnh Long, ngày 02 tháng 7 năm 2018

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP
CỦA CHÍNH PHỦ NĂM 2017

I. Đánh giá chung:

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính, tỉnh Vĩnh Long đã chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Nội vụ triển khai, hướng dẫn để thực hiện chế độ tự chủ đối với tất cả các đơn vị quản lý hành chính trên địa bàn. Đến nay có 51/51 cơ quan cấp tỉnh, 8/8 cơ quan cấp huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh đã triển khai thực hiện.

Qua thời gian thực hiện những cơ chế chính sách quy định về chế độ tự chủ, trên cơ sở báo cáo của các đơn vị và đánh giá của cơ quan quản lý cho thấy cơ chế tự chủ đã có những tác động nhất định đến hoạt động của các cơ quan. Cụ thể mặt tích cực:

- Tăng cường quyền tự chủ và tính chủ động của thủ trưởng đơn vị trong công tác quản lý nhân sự và quản lý tài chính. Sự chuyển biến lớn trong cách nghĩ, cách làm của người đứng đầu đơn vị (cũng là người chủ tài khoản của đơn vị) là tính linh hoạt, mạnh dạn quyết định những công việc có lợi theo thứ tự ưu tiên cho đơn vị trong khuôn khổ thẩm quyền và nguồn kinh phí được cấp.

- Tạo ra sự thay đổi về thái độ làm việc, tinh thần và ý thức trách nhiệm của công chức đối với công việc và ngân sách được giao. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng trên cơ sở ý kiến đóng góp của tất cả các công chức trong đơn vị. Tất cả các khoản thu và nội dung chi được công khai chi tiết, đã góp phần kiểm soát chi tiêu một cách hợp lý và thúc đẩy thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách, tài sản công.

- Hoạt động của các đơn vị thực hiện chế độ tự chủ được nâng lên một bước về chất lượng; quy trình xử lý công việc được xây dựng mới, hợp lý và khoa học; nội dung, tiêu chuẩn thủ tục theo yêu cầu quản lý hành chính hiện đại từng bước được áp dụng.

- Công tác tổ chức lao động khoa học, trên cơ sở đó tiết kiệm được kinh phí, tăng thu nhập cho người lao động.

Bên cạnh những mặt tích cực cũng còn một số hạn chế như:

- Định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính của các cơ quan cấp tỉnh khoảng 16 – 18 triệu/biên chế/năm; cấp huyện, thị, thành phố khoảng 14 – 15 triệu đồng/biên chế/năm, với định mức này so với các tỉnh lân cận và cả nước thì rất thấp. Bên cạnh đó, giá cả văn phòng phẩm, điện, nước tăng, đồng thời cơ quan cấp trên

cũng ban hành một số chính sách với mức chi tăng hơn so với trước đây (như công tác phí, hội nghị) cũng phần nào ảnh hưởng đến khả năng tiết kiệm kinh phí tự chủ của các đơn vị, từ đó dẫn đến kinh phí tiết kiệm được hàng năm không nhiều (36 đơn vị không có tiết kiệm, một số đơn vị có tiết kiệm nhưng rất ít chi thu nhập tăng thêm chỉ vài chục ngàn đồng/ tháng). Thu nhập không đồng đều, chưa phù hợp giữa khu vực hành chính, sự nghiệp và doanh nghiệp.

- Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế nhưng số lượng biên chế công chức chưa được bố trí đủ theo đề án vị trí việc làm, đồng thời thực hiện tinh giản biên chế (ra 2 vào 1), từ đó số lượng công chức còn lại phải đảm nhiệm thêm nhiều nhiệm vụ, đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn và quyết tâm cao của tập thể từng đơn vị để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. Đánh giá cụ thể:

1. Về số lượng đơn vị thực hiện tự chủ:

- Cơ quan cấp tỉnh:

- + Số lượng Sở, Ban, ngành cấp tỉnh: 51 đơn vị
- + Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ: 51 đơn vị
- + Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: 51 đơn vị

- Cơ quan cấp huyện:

- + Số lượng cơ quan chuyên môn cấp huyện: 169 đơn vị
- + Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ: 169 đơn vị
- + Số đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ: 169 đơn vị

- Cấp xã:

- + Số lượng xã: 109 đơn vị
- + Số đã được giao thực hiện tự chủ: không
- + Số đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:

2. Về kinh phí: *

a). Kinh phí quản lý hành chính được giao (tổng số): 648 tỷ đồng

Trong đó:

- * Kinh phí thực hiện tự chủ: 352 tỷ đồng
- Số kinh phí thực hiện: 329 tỷ đồng
- Số kinh phí tiết kiệm được: 23 tỷ đồng
- + Tiết kiệm chi quỹ lương: (do chưa tuyển đủ số biên chế được giao; nghỉ hưu; nghỉ hưu...): 13 tỷ đồng

- + Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương): 10 tỷ đồng
- Số đơn vị thực hiện tiết kiệm được kinh phí: 184 đơn vị
- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao tự chủ: 6,5 %
- * Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ: 296 tỷ đồng

* Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính: Nhìn chung, các đơn vị được giao thực hiện tự chủ chấp hành tốt chế độ chi tiêu tài chính, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm kinh phí được giao, hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn hàng năm.

b). Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

- Số đơn vị không có tăng thu nhập: 36 đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần : 98 đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1 - 0,2 lần: 43 đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2 - 0,3 lần: 21 đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3 - 0,4 lần: 04 đơn vị
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,4 - 0,5 lần: 18 đơn vị
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là 4.465.000 đồng/tháng (Phòng TCKH Trà Ôn);
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là 0 đồng/tháng (36 đơn vị).
- Chi các quỹ và các khoản chi khác: 12,03 tỷ đồng
- + Quỹ dự phòng ổn định thu nhập: 0,03 tỷ đồng
- + Chi khen thưởng, phúc lợi: 3 tỷ đồng
- + Chi thu nhập tăng thêm: 9 tỷ đồng

3. Các biện pháp thực hành tiết kiệm:

a). Tiết kiệm trong chi hoạt động thường xuyên: Các cơ quan xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trong việc sử dụng kinh phí và tài sản của đơn vị, trong đó quy định về sử dụng tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm, hạn chế số máy điện thoại sử dụng đường dài, hạn chế tiếp khách, áp dụng thanh toán chế độ công tác phí theo hình thức khoán.

b). Tiết kiệm biên chế: Trong năm một số cơ quan có công chức nghỉ hưu hoặc nghỉ việc thì không thu thêm người.

4. Kiến nghị (Đối với UBND tỉnh):

- Có lộ trình tăng định mức phân bổ dự toán chi quản lý hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh để các cơ quan có đủ kinh phí chi cho chế độ chính sách tăng và giá cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ công tác chuyên môn

tăng, đồng thời cuối năm có tích lũy để tăng thu nhập góp phần giảm chênh lệch thu nhập không đồng đều giữa khu vực hành chính, sự nghiệp và doanh nghiệp.

- Bố trí biên chế công chức đủ theo đề án vị trí việc làm để giảm số lượng công chức phải đảm nhiệm thêm nhiều nhiệm vụ nhưng nguồn lực tài chính chưa đồng bộ, góp phần giảm bớt áp lực cho công chức và khắc phục tình trạng biên chế ít thì kinh phí được giao ít nhưng yêu cầu nhiệm vụ thì nhiều.


- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện đúng quy định của Luật NSNN năm 2015 "...nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm...", nhằm đảm bảo chi tiêu hợp lý, phù hợp nhiệm vụ của từng cấp ngân sách, giảm bớt áp lực đối với ngân sách, tạo điều kiện từng bước cải thiện định mức chi tiêu hành chính còn thấp như hiện nay.

Sở Tài chính xin báo cáo Ủy Ban nhân dân tỉnh tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT; TCHCSN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Văn Dương

**BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NĂM 2017**

STT	Nội dung	Số lượng, số tiền
I	Tình hình giao tự chủ cho các đơn vị	
1	Cơ quan cấp tỉnh	
a	Số lượng sở, ban, ngành cấp tỉnh	51
b	Số đơn vị giao tự chủ	51
2	Cơ quan cấp huyện	
a	Số lượng cơ quan chuyên môn cấp huyện	169
b	Số đơn vị được giao thực hiện tự chủ	169
3	Cấp xã	
a	Số lượng xã	109
b	Số xã được giao thực hiện tự chủ	0
II	Biên chế	
1	Biên chế được giao	2.879
2	Biên chế thực tế có mặt	2.699
III	Tổng kinh phí quản lý hành chính (tỷ đồng)	648
1	Kinh phí quản lý hành chính thực hiện tự chủ	352
a	Kinh phí được giao thực hiện tự chủ	352
	- Nguồn ngân sách nhà nước	351
	- Nguồn thu phí được để lại theo chế độ	1
b	Kinh phí thực hiện	329
	- Nguồn ngân sách nhà nước	328
	- Nguồn thu phí được để lại theo chế độ	1
c	Số kinh phí tiết kiệm	23
	- Tiết kiệm chi quỹ lương	13
	- Tiết kiệm chi khác	10
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	296
IV	Phân phối kinh phí tiết kiệm	
1	Số đơn vị tiết kiệm được kinh phí	199

STT	Nội dung	Số lượng, số tiền
a	Cấp tỉnh	49
b	Cấp huyện	150
c	Cấp xã	
2	Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao thực hiện tự chủ	6,5%
3	Đơn vị có tỷ lệ tiết kiệm được so với kinh phí được giao tự chủ cao nhất	
4	Chi các quỹ và các khoản chi khác	12,03
a	Chi thu nhập tăng thêm	9
b	Chi khen thưởng, phúc lợi, trợ cấp khó khăn	3
c	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	0,03
5	Kết quả phân phối thu nhập tăng thêm	
a	Số đơn vị không có thu nhập tăng thêm	36
b	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập dưới 0,1 lần	98
c	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,1 - 0,2 lần	43
d	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,2 - 0,3 lần	21
đ	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,3 - 0,4 lần	4
e	Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập từ trên 0,4 lần	18
f	Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là 4,46 triệu đồng/tháng (Phòng TCKH Trà Ôn)	
g	Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là 0 triệu đồng/tháng (36 đơn vị không có chi thu nhập tăng thêm)	
6	Mức thu nhập tăng thêm từng cấp	
a	Cấp tỉnh, thành phố	
	Mức chi thu nhập tăng thêm bình quân (triệu đồng /tháng)	
	Mức chi thu nhập tăng thêm bình quân cao nhất (triệu đồng /tháng)	1.266.000
	Mức chi thu nhập tăng thêm bình quân thấp nhất (triệu đồng /tháng)	0
b	Cấp quận, huyện	
	Mức chi thu nhập tăng thêm bình quân (triệu đồng /tháng)	
	Mức chi thu nhập tăng thêm bình quân cao nhất (triệu đồng /tháng)	4.465.000
	Mức chi thu nhập tăng thêm bình quân thấp nhất (triệu đồng /tháng)	0